TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 3 - 2018
V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thơ.
2. Bà Trần Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Xóm H, thôn TS, xã TS, huyện KB, tỉnh HN. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị Bích L, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Xóm M, thôn TS, xã TS, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Hiện đang ở nhờ tại số nhà H, tổ S, khu phố N, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN. (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25 tháng 9 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Đinh Thị Bích L lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn 18 tháng 01 năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân xã TS, huyện KB, tỉnh HN. Sau ngày cưới vợ chồng cùng nhau chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh ở xóm H, thôn TS, xã TS, huyện KB, tỉnh HN được khoảng 02 năm thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau. Vì vậy từ khoảng tháng 8/2017 chị L đã bỏ anh về nhà bố mẹ đẻ chị L tại xóm M, thôn TS, xã TS, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để ở nhờ và

vợ chồng cũng sống ly thân nhau từ đó. Trong thời gian chị L bỏ về nhà ngoại, anh có đến thuyết phục chị L trở về chung sống, nhưng chị L cố tình tránh mặt không gặp anh. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm giữa vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị Bích L.

Tại bản tự khai đề ngày 24 tháng 01 năm 2018, bị đơn là chị Đinh Thị Bích L xác nhận và trình bầy: Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như anh T đã trình bầy. Tuy nhiên về thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như anh T khai, mà sau ngày cưới vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T hay ghen tuông, nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình rồi vô cớ chửi bới, đánh đập chị, nhưng vì thương con, chị đã cố gắng chịu đựng để mong hàn gắn được tình cảm vợ chồng, song mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra, vì vậy khoảng tháng 8/2017 chị đã bỏ anh T về nhà ngoại để sinh sống, sau đó chị đã vào nhà anh trai ở thành phố BH, tỉnh ĐN để ở nhờ và vợ chồng chị cũng chính thức ly thân nhau từ đó. Nay anh T xin ly hôn chị, chị không muốn gia đình đổ vỡ, nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Anh T và chị L thống nhất trình bày, vợ chồng không có con riêng và chỉ có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 25/4/2013, hiện nay cháu đang ở với anh T. Khi ly hôn anh T xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, kể từ nay cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L trình bày, nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, chị đồng ý giao cháu H cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Anh T và chị L đều trình bày cho đến nay vợ chồng không có tài sản chung, riêng gì; không đóng góp được tài sản, công sức gì đối với hai bên gia đình, không được địa phương giao chung đất ruộng cấy, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng. Khi ly hôn cả hai không yêu cầu Tòa án phải xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Bích L. Giao cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 25/4/2013 cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T và đề nghị về án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Khi anh Nguyễn Văn T nộp đơn khởi kiện, bị đơn là chị Đinh Thị Bích L vẫn đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ ở xóm M, thôn TS, xã TS, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi thụ lý vụ án một thời gian, khoảng cuối tháng 11/2017 chị L mới vào nhà anh trai tại số nhà H, tổ S, khu phố N, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN để ở nhờ, khi đi chị L không xin tạm vắng tại địa phương. Do đó Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã phát hiện chị L đang ở nhờ nhà anh trai là Đinh Văn Tr ở địa chỉ nêu trên, nên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thu thập chứng cứ, làm việc với chị L, chị L viết bản tự khai gửi Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Tại phiên tòa không ai đề nghị hoãn phiên tòa, nên đây thuộc trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Bích L lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện KB, tỉnh HN ngày 18 tháng 01 năm 2013. Phải khẳng định đây là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên sau ngày cưới, vợ chồng chỉ cùng nhau chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự tin tưởng, chia sẻ lẫn nhau, dẫn đến thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau, từ đó làm rạn nứt tình cảm vợ chồng, khiến hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vì vậy tháng 8/2017 chị L đã bỏ anh T về nhà bố mẹ đẻ chị L tại xóm M, thôn TS, xã TS, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để ở nhờ và vợ chồng cũng chính thức ly thân nhau từ đó, hai bên không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống chung của nhau, chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa anh T, chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở, việc chị L xin đoàn tụ với lý do vẫn còn tình cảm với anh T chỉ là cái cớ để gây khó khăn, cản trở cho anh T trong quá trình giải quyết vụ án, vì từ khi vợ chồng sống ly thân, nhất là từ khi Tòa án giải quyết vụ án cho đến nay, chị L đã không

chấp hành mà tự ý bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, không có biện pháp nào để nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên không có cơ sở để chấp nhận lời đề nghị của chị L. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị L theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 25/4/2013, hiện nay cháu đang ở với anh T. Khi ly hôn cả hai cùng đề nghị giao cháu H cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ nay cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Chị L xin không phải cấp dưỡng nuôi con và anh T cũng không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là yêu cầu tự nguyện của anh T, chị L, nên cần chấp nhận.

[4] Về con riêng; tài sản chung, riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, nên anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1.1 Điều 1 mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Bích L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 25/4/2013 cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; kể từ nay cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001260 ngày 03/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, anh T đã nộp đủ tiền án phí. Chị L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Đinh Thị Bích L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã TS;
- Cổng TTĐT của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án + văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh